

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỐC TUẤN**

Số: 06 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quốc Tuấn, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2021 của
xã Quốc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỐC TUẤN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5155/QĐ - UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của
UBND huyện Nam Sách Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà
nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ - HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của
HĐND xã Quốc Tuấn về việc phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của Cán bộ Tài chính – Kế toán xã ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2021
của UBND xã Quốc Tuấn (theo biểu chi tiết đính kèm).

Thời gian công khai 30 ngày từ 7/1/2022 đến ngày 7/2/2022

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, kế toán ngân sách xã, các cá nhân,
tổ chức có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VP.



Nguyễn Bá Dũng

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2021

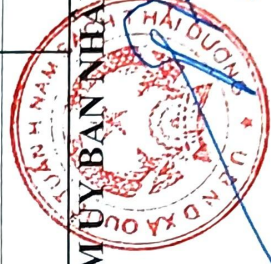
Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện hết Quý IV	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	20,822,622	20,822,622	100.00
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1,941,333	1,947,643	100.33
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	7,207,647	7,201,337	99.91
3	Thu bổ sung	10,094,615	10,094,615	100.00
	- Bổ sung cân đối	3,180,800	3,180,800	100.00
	- Bổ sung có mục tiêu	6,913,815	6,913,815	100.00
4	Thu chuyển nguồn	1,501,703	1,501,703	100.00
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	77,324	77,324	100.00
II	Tổng số chi	20,822,622	18,563,745	89.15
1	Chi đầu tư phát triển	13,640,744	13,640,744	100.00
2	Chi thường xuyên	5,325,416	4,923,001	92.44
3	Chi dự phòng	1,856,462		-

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thủy

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



CHỦ TỊCH
NGUYỄN BÁ ĐỨNG

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2021

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN 12T		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	20,822,622	20,822,622	20,822,622	20,822,622	100.00	100.00
I	Các khoản thu 100%	1,941,333	1,941,333	1,947,643	1,947,643	100.32	100.32
1	Phí, lệ phí	32,094	32,094	32,094	32,094	100.00	100.00
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	1,839,386	1,839,386	1,839,386	1,839,386	100.00	100.00
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Đóng góp chùa nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	69,853	69,853	76,163	76,163	109.03	109.03
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	7,207,647	7,207,647	7,201,337	7,201,337	99.91	99.91
1	Các khoản thu phân chia	991,527	991,527	985,218	985,218	99.36	99.36
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	86,771	86,771	86,771	86,771	100.00	100.00
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	17,800	17,800	17,450	17,450	98.03	98.03

1.4	Thuế thu nhập cá nhân	257,019	257,019	257,019	257,019	100.00	100.00
1.5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	520,337	520,337	520,337	520,337	100.00	100.00
1.6	Thuế VAT	109,600	109,600	109,600	103,641	94.56	94.56
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	6,216,119	6,216,119	6,216,119	6,216,119	100.00	100.00
2.1	Thu tiền sử dụng đất	6,216,119	6,216,119	6,216,119	6,216,119	100.00	100.00
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	1,501,703	1,501,703	1,501,703	1,501,703	100.00	100.00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	77,324	77,324	77,324	77,324	100.00	100.00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10,094,615	10,094,615	10,094,615	10,094,615	100.00	100.00
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3,180,800	3,180,800	3,180,800	3,180,800	100.00	100.00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6,913,815	6,913,815	6,913,815	6,913,815	100.00	100.00

NGƯỜI LẬP

Thùy

Nguyễn Thị Thùy



T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH
NGUYỄN BÁ DŨNG

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2021

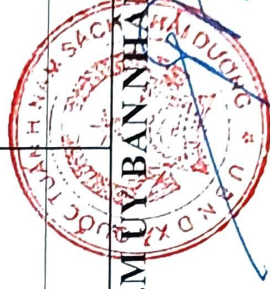
Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN 12T			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	20,822,622	13,640,744	7,181,878	18,563,745	13,640,744	4,923,001	89.15	100.00	68.55
	Trong đó:									
1	Chi Giáo dục	3,310,606	3,296,726.0	13,880	3,310,606	3,296,726.0	13,880	100.00	100	100.00
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		-	-					
3	Chi y tế	3,257,539	3,257,539.3		3,257,539	3,257,539.3			100	
4	Chi văn hóa, thông tin	20,090		20,090	20,090		20,090	100.00		100.00
5	Chi phát thanh, truyền hình	56,300		56,300	56,300		56,300	100.00		100.00
6	Chi thể dục thể thao	-		-	-		-			
7	Chi bảo vệ môi trường	26,600		26,600	26,600		26,600	100.00		100.00
8	Chi các hoạt động kinh tế	7,030,374	6,989,374.1	41,000	7,030,374	6,989,374.1	41,000	100.00	100.00	100.00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4,951,017	97,105.0	4,853,912	4,559,332	97,105.0	4,462,227	92.09	100.00	91.93
10	Chi công tác xã hội	313,634		313,634	302,904		302,904	96.58		96.58
11	Chi khác	-		-	-					
12	Dự phòng ngân sách	1,856,462		1,856,462	-			0.00		0.00
13	Dự phòng Chi đầu tư phát triển	-			-					

NGƯỜI LẬP

Thầy Nguyễn Thái Thụy

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



CHỦ TỊCH
NGUYỄN BÁ DỪNG